

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, ghi cách làm rồi tự kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi số đo hoặc kết quả đã quan sát và phần được hỗ trợ; không chép kết quả trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện, đơn vị và quan hệ toán học. Để trẻ thử và tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 Nhận thể tích qua các khối lập phương đơn vị

Mục tiêu Nhận thể tích qua phần không gian vật chiếm và số khối đơn vị.

Ví dụ Hai mô hình dùng cùng loại khối đơn vị và không có chỗ hở thì mô hình dùng nhiều khối hơn có thể tích lớn hơn. Không chỉ so mặt trước.

Ít nhất 12 khối lập phương bằng nhau hoặc các hộp nhỏ bằng nhau, giấy, bút.

Đề Câu 1 Xếp 6 khối đơn vị thành một hàng rồi thành hai hàng, mỗi hàng 3 khối. So thể tích hai mô hình và ghi lí do.

Câu 1 · tr. 01 Thể tích bằng nhau vì vẫn dùng đúng 6 khối bằng nhau, không chồng vào cùng một vị trí.

Đề Câu 2 Mô hình A dùng 8 khối đơn vị, mô hình B dùng 11 khối cùng loại, không hở giữa khối. Mô hình nào có thể tích lớn hơn?

Câu 2 · tr. 01 B, hơn thể tích 3 khối đơn vị.

Đề Câu 3 Khối hộp trong hình có mỗi lớp 3×2 khối đơn vị và có 2 lớp. Có bao nhiêu khối đơn vị?

Câu 3 · tr. 01 $3 \times 2 \times 2 = 12$ khối đơn vị.

Đề Câu 4 Bạn chỉ đếm các khối nhìn thấy ở mặt trước. Vì sao cần kiểm các lớp phía sau?

Câu 4 · tr. 02 Có thể có khối bị che; thể tích cần tính tất cả khối, không chỉ các khối nhìn thấy.

Bài 2 · tr. 02 Nhận xăng-ti-mét khối bằng một khối đơn vị

Mục tiêu Nhận cm^3 là thể tích khối lập phương cạnh 1 cm.

Ví dụ Một khối lập phương cạnh 1 cm có thể tích 1 cm^3 . Bảy khối như vậy ghép kín có tổng thể tích 7 cm^3 .

Thước, một mô hình lập phương cạnh 1 cm nếu có; giấy, bút.

Câu 1 · tr. 02 1 cm^3 .

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 2 · tiếp tục

Đề Câu 2 Có 15 khối lập phương cạnh 1 cm, không chồng vào cùng vị trí. Tổng thể tích là bao nhiêu?

Câu 2 · tr. 02 15 cm^3 .

Câu 3 · tr. 02 Không; cm^2 đo diện tích, cm^3 đo thể tích.

LT1 · tr. 02 9 cm^3 ; mỗi khối có thể tích 1 cm^3 và các khối không chiếm cùng một chỗ.

Câu 4 · tr. 03 Khối cạnh 2 cm có $2 \times 2 \times 2 = 8$ khối đơn vị nên thể tích 8 cm^3 .

Bài 3 · tr. 03 **Nhận đề-xi-mét khối và quan hệ một nghìn**

Mục tiêu Nhận dm^3 và hiểu quan hệ $1 \text{ dm}^3 = 1000 \text{ cm}^3$ bằng ba chiều.

Ví dụ Khối lập phương cạnh 1 dm có mỗi chiều gồm 10 đoạn 1 cm nên chứa $10 \times 10 \times 10 = 1000$ khối cm^3 .

Giấy, bút; thước để hình dung cạnh 1 dm.

Câu 1 · tr. 03 1 dm^3 .

Câu 2 · tr. 03 3000 cm^3 .

LT1 · tr. 03 $500 : 1000 = 0,5 \text{ dm}^3$.

Câu 3 · tr. 04 $2,5 \text{ dm}^3$.

Câu 4 · tr. 04 Thể tích xét cả ba chiều: $10 \times 10 \times 10 = 1000$, không chỉ một chiều.

Bài 4 · tr. 04 **Nhận mét khối và quan hệ với đơn vị nhỏ hơn**

Mục tiêu Nhận m^3 và quan hệ 1000 giữa hai đơn vị khối liền kề đã học.

Ví dụ Khối lập phương cạnh 1 m có thể tích $1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ dm}^3$. Vì mỗi dm^3 là 1000 cm^3 nên $1 \text{ m}^3 = 1\,000\,000 \text{ cm}^3$.

Giấy, bút; có thể dùng thước để hình dung một cạnh 1 m.

Câu 1 · tr. 04 2000 dm^3 .

Câu 2 · tr. 04 400 dm^3 .

Câu 3 · tr. 04 $1\,000\,000 \text{ cm}^3$.

Câu 4 · tr. 05 $1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ dm}^3 = 1\,000\,000 \text{ cm}^3$; đã bỏ qua một quan hệ nhân 1000.

Bài 5 · tr. 05 **Đổi số đo thể tích bằng các lớp đơn vị khối**

Mục tiêu Đổi giữa m^3 , dm^3 , cm^3 và tự kiểm chiều lớn nhỏ.

Ví dụ $1,2 \text{ dm}^3 = 1200 \text{ cm}^3$; đổi sang đơn vị nhỏ hơn thì số đo tăng, nhưng thể tích không đổi.

Giấy, bút.

Câu 1 · tr. 05 $4,5 \text{ dm}^3$.

Câu 2 · tr. 05 1250 dm^3 .

Câu 3 · tr. 05 60 cm^3 .

Câu 4 · tr. 05 Dm^3 lớn hơn cm^3 nên cùng thể tích phải có số đo nhỏ hơn; $4500 : 1000 = 4,5 \text{ dm}^3$.